

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thanh

2. Ông Tô Đình Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1996.*

Trú tại: Tổ 8, Phường Q, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: *Anh Phan Thanh T, sinh năm: 1993*

Trú: Tổ 5, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chi Chi có mặt, bị đơn anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Chị và Anh Phan Thanh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Q, thành phố Q vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn và sinh sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chị C sinh con thì chị về quê cha mẹ ruột của chị tại TP. Q sinh sống. Sau đó anh T cũng về quê nhà của mình tại xã B, huyện T. Sau

đó chị phát hiện anh T ngoại tình với người đàn bà khác nên vợ chồng chị sống ly thân với nhau. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị C khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là: Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017. Nguyên vọng của chị là được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Bị đơn, Anh Phan Thanh T trình bày tại bản tự khai và các phiên hòa giải: Anh T thống nhất thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn như chị C trình bày. Nay chị C yêu cầu được ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T thống nhất có 01 con chung tên là Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017. Nếu ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì thấy: Hiện nay cháu B đang sống với chị C từ nhỏ đến nay. Chị C đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt cho sự phát triển bình thường của cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Anh Phan Thanh T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh

Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc mở lại phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Kim C và Anh Phan Thanh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 193 do Ủy ban nhân dân Phường Q, thành phố Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2015. Sau khi kết hôn, chị C và anh T đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C là do anh T không chung thủy. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng chị C vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh T thống nhất, yêu cầu tòa án cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kim C và Anh Phan Thanh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị C anh T thống nhất có 01 con chung tên là: Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017. Chị C và anh T đều mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con. Con chung thì có một, chỉ khi nào vợ chồng anh, chị sống chung với nhau mới có thể cả hai cùng trực tiếp nuôi con. Nhưng nay anh chị ly hôn thì chỉ giao cho một người được trực tiếp nuôi con. Từ khi sinh ra đến nay, cháu B sinh sống cùng với chị C tại gia đình chị C. Bản thân chị C có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra, trong gia đình chị C còn có cha, mẹ có thể giúp đỡ việc nuôi nấng cháu B. Trong thời gian vừa qua chị C đã nuôi nấng cháu B tử tế, cháu B sống tốt, học tập và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và ổn định môi trường sống cho cháu B. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu của chị C. Giao cháu Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị C có công việc có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị C và anh T thống nhất không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị C và anh T thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị C đã nộp tại biên lai thu số 0005707 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kim C và Anh Phan Thanh T. Chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn Anh Phan Thanh T.

2. Về con chung, nuôi con chung: Chị C và anh T thống nhất có 01 con chung tên là: Phan Nguyên B, sinh ngày 21/12/2017. Giao cháu Phan Nguyên B cho Chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Phan Thanh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị C, anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị C và anh T thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số số 0005707 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND p. Q; TP Quảng Ngãi.
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)
Đặng Phùng Thành